

Số: 14030/BTC-CST

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

V/v xin ý kiến về dự thảo Thông tư
thay thế Thông tư số 188/2016/TT-BTC
ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 8359/BGTVT-TC ngày 15/8/2022 của Bộ Giao thông vận tải đề nghị sửa đổi Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng (*bản chụp gửi kèm*).

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 188/2016/TT-BTC (*dự thảo và thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi gửi kèm*). Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu có ý kiến tham gia về dự thảo Thông tư.

Trường hợp Bộ Giao thông vận tải có ý kiến khác về tỷ lệ để lại, đề nghị: (i) cung cấp chi tiết số liệu thu – chi của các tổ chức thu phí trên toàn quốc trong 03 năm qua (tổng số thu, số nộp ngân sách nhà nước, số để lại tương ứng với từng loại tổ chức thu phí, số chi, chênh lệch thu – chi), các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân và (ii) đề xuất tỷ lệ để lại phù hợp và dự kiến số phí thu, số chi sau điều chỉnh.

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 30/01/2023.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý cơ quan. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; | Để đăng dự thảo
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính; | Thông tư xin ý kiến
- Lưu: VT, CST (CST5) (08b). *Đ*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn
Cao Anh Tuấn

Số: /2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện (lệ phí cấp giấy phép lái xe) và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí; tổ chức thu phí, lệ phí; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp phí, lệ phí; không áp dụng đối với sát hạch lái xe và lệ phí cấp giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Tổ chức thu và người nộp phí, lệ phí

1. Tổ chức, cá nhân phải nộp phí, lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về giao thông đường bộ phục vụ các công việc quy định thu phí, lệ phí sau đây:

- Cấp giấy đăng ký và biển xe máy chuyên dùng.
- Cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

c) Sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm ~~Tổng cục Đường bộ Việt Nam¹ Cục Đường bộ Việt Nam²~~ và Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 3. Mức thu phí, lệ phí

Mức thu phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp giấy phép lái xe và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. kê khai, thu, nộp phí, lệ phí

1. Định kỳ chậm nhất là ngày thứ 5 hàng tuần, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong tuần trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được theo tháng, quyết toán *phí* năm; *người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí*, lệ phí theo quy định tại *Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính* ~~hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.~~

3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện nộp số tiền phí thu được theo tỷ lệ quy định tại Điều 5 Thông tư này và 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước (tổ chức thu phí, lệ phí thuộc Trung ương quản lý thì nộp vào ngân sách trung ương; tổ chức thu phí, lệ phí thuộc địa phương quản lý thì nộp vào ngân sách địa phương) theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 5. Quản lý và sử dụng phí

1. *Tổ chức thu phí không thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thu được thì phải nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động sát hạch, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.*

2. *Trường hợp tổ chức thu phí thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí thì được trích để lại 75% trên tổng số tiền phí sát hạch thu được để trang trải chi phí cung cấp*

¹ Chữ bị gạch ngang: Nội dung bãi bỏ so với Thông tư số 188/2016/TT-BTC

² Chữ in đậm, nghiêng: Nội dung bổ sung so với Thông tư số 188/2016/TT-BTC

dịch vụ, thu phí; nộp ngân sách nhà nước 25% tiền phí thu được. Tại những địa phương còn khó khăn về điều kiện vật chất, chưa xây dựng được trung tâm sát hạch đủ điều kiện vật chất nhưng vẫn được Bộ Giao thông vận tải cho phép sát hạch lái xe mô tô tại các trung tâm, bãi sát hạch cũ thì tổ chức thu phí được trích để lại 40% trên tổng số tiền phí sát hạch thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí; nộp ngân sách nhà nước 60% tiền phí thu được.

3. Số tiền được trích để lại, tổ chức thu phí quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định; trường hợp hết năm, số tiền phí đã được chuyển nguồn không còn nhiệm vụ chi thì phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

1. Phí sát hạch lái xe là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

a) Trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí: Tổ chức thu phí có số thu từ phí sát hạch năm trước dưới 15 tỷ đồng/năm (sau đây gọi tắt là tổ chức thu phí loại A) được trích để lại 20% trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được; tổ chức thu phí có số thu từ phí sát hạch năm trước từ 15 tỷ đồng/năm trở lên (sau đây gọi tắt là tổ chức thu phí loại B) được trích để lại 15% trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền được trích để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

b) Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu của các trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe theo quy định sau:

- Đối với trung tâm sát hạch loại 1 (sát hạch lái xe tất cả các hạng) và trung tâm sát hạch loại 2 (sát hạch lái xe đến hạng C)

+ Trường hợp trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư: Tổ chức thu phí được sử dụng không quá 80% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe.

+ Trường hợp trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư: Tổ chức thu phí được sử dụng không quá 80% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm trong thời gian phải hoàn trả vốn và lãi vay theo kế ước vay hoặc do cơ quan có thẩm quyền (Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải) xác định. Sau khi đã hoàn trả đủ vốn và lãi vay đầu tư, tổ chức thu phí được sử dụng không quá 40% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).

+ Trường hợp trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ: Tổ chức thu phí được sử dụng không quá 40% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).

— Đối với trung tâm sát hạch loại 3 (sát hạch lái xe đến hạng A4): Tổ chức thu phí được sử dụng không quá 60% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).

e) Nộp ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

e.1) Đối với trung tâm sát hạch loại 1 và loại 2:

— Tổ chức thu phí loại A phải nộp ngân sách nhà nước với mức tối thiểu đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư (trong thời gian hoàn trả vốn vay và lãi vay) với số tiền thuê thấp hơn mức 80% tổng số tiền phí thực thu được thì tổ chức thu phí phải nộp số tiền chênh lệch vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 80% tổng số tiền phí thu được — số tiền thuê trung tâm sát hạch.

Ví dụ 1: Sở Giao thông vận tải Hà Nội thực hiện sát hạch cấp giấy phép lái xe có số tiền thu phí sát hạch hàng năm là 10 tỷ đồng (tổ chức thu phí loại A). Sở Giao thông vận tải thuê trung tâm sát hạch của Doanh nghiệp X (trung tâm được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước) với mức tiền thuê bằng 60% tổng số tiền phí thu được. Sở Giao thông vận tải phải nộp 20% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 10 tỷ đồng (tổng số tiền phí thu được) — 2 tỷ đồng (số tiền được trích để lại) — 6 tỷ đồng (trả tiền thuê trung tâm sát hạch) = 2 tỷ đồng.

+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay (sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay) hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ, tổ chức thu phí phải nộp tối thiểu 40% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%) — Số tiền được trích để lại (20%) — Số tiền thuê trung tâm sát hạch (tối đa là 40%).

Ví dụ 2: Cũng với giả thiết ở ví dụ 1 nêu trên, trường hợp Sở Giao thông vận tải Hà Nội thuê trung tâm sát hạch của cơ quan nhà nước (thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng — trung tâm do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ) hoặc trung tâm của Đơn vị sự nghiệp Y (trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay sau khi đã hoàn trả vốn và

lãi vay) với mức tiền thuê bằng 30% số tiền phí thu được. Sở Giao thông vận tải phải nộp 50% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 10 tỷ đồng (tổng số tiền phí thu được) – 2 tỷ đồng (số tiền được trích để lại) – 3 tỷ đồng (trả tiền thuê trung tâm sát hạch) = 5 tỷ đồng.

– Tổ chức thu phí loại B phải nộp ngân sách nhà nước với mức tối thiểu đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư (trong thời gian hoàn trả vốn vay và lãi vay), tổ chức thu phí phải nộp tối thiểu 5% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thu được (100%) – Số tiền được trích để lại (15%) – Số tiền thuê trung tâm sát hạch (tối đa 80%).

+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay (sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay) và trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ, tổ chức thu phí phải nộp tối thiểu 45% số tổng tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thu được (100%) – Số tiền được trích để lại (15%) – Số tiền thuê trung tâm sát hạch (tối đa 40%).

Cách tính cụ thể số tiền phí phải nộp ngân sách nhà nước tương tự như ở ví dụ 1 và ví dụ 2 nêu trên.

e.2) Đối với trung tâm sát hạch loại 3: Tổ chức thu phí loại A phải nộp 20% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước; tổ chức thu phí loại B phải nộp 25% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.

2. Tại những địa phương còn khó khăn về điều kiện vật chất, chưa xây dựng được trung tâm sát hạch đủ điều kiện vật chất nhưng vẫn được Bộ Giao thông vận tải cho phép sát hạch lái xe mô tô tại các trung tâm, bãi sát hạch cũ thì việc quản lý và sử dụng tiền phí sát hạch lái xe mô tô thu được như sau:

a) Tổ chức thu phí được để lại 30% trên tổng số tiền phí thực thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền được trích để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

b) Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu của các trung tâm, bãi sát hạch này không quá 10% trên tổng số tiền phí thực thu được.

c) Nộp ngân sách nhà nước tối thiểu 60% trên tổng số tiền phí thực thu được.

3. Quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này áp dụng trong trường hợp tổ chức thu phí thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

~~Trường hợp tổ chức thu phí không thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thu được thì phải nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động sát hạch, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.~~

Điều 6. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; *Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực của Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ; Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).*

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

**BIỂU MỨC THU PHÍ SÁT HẠCH; LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE;
LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(kèm theo Thông tư số /2023/TT-BTC ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số TT	Tên phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng (phương tiện thi công)		
a	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy đăng ký kèm theo biển số	Lần/phương tiện	200.000
b	Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số	Lần/phương tiện	50.000
c	Cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời	Lần/phương tiện	70.000
d	Đóng lại số khung, số máy	Lần/phương tiện	50.000
2	Lệ phí cấp giấy phép lái xe		
	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe (quốc gia và quốc tế)	Lần	135.000
3	Phí sát hạch lái xe		
a	Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4):		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	40.000 60.000
	- Sát hạch thực hành	Lần	50.000 70.000
b	Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F):		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	90.000 100.000
	- Sát hạch thực hành trong hình	Lần	300.000 350.000
	- Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng	Lần	60.000 80.000
	- <i>Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông</i>	Lần	100.000

Ghi chú:

1. Mức thu phí sát hạch lái xe cơ giới đường bộ được áp dụng thống nhất trên cả nước khi cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe (không phân biệt cơ quan thuộc Trung ương hay địa phương quản lý) tổ chức sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

2. Người dự sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phần nào thì nộp phí sát hạch phần đó (tính theo lần sát hạch: sát hạch lần đầu, sát hạch lại).

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH

Chi tiết nội dung sửa đổi Thông tư số 188/2016/TT-BTC

(kèm theo công văn số 14030/BTC-CST ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính)

I. Sự cần thiết ban hành Thông tư

1. Căn cứ pháp lý

Tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định: phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

Căn cứ pháp luật phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Giao thông vận tải (GTVT), Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

2. Đánh giá thực hiện

Qua gần 06 năm thực hiện thu phí, lệ phí, Bộ GTVT đã đề nghị các địa phương đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 188/2016/TT-BTC. Tổng hợp báo cáo của địa phương, Bộ GTVT đã có công văn số 8359/BGTVT-TC đề xuất sửa đổi Thông tư, với những lý do như sau:

a) Về mức thu phí

Mức thu phí sát hạch lái xe quy định tại Thông tư số 188/2016/TT-BTC được ban hành trên cơ sở giữ nguyên mức thu quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BTC ngày 27/02/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

Qua gần 9 năm thực hiện, mức thu phí sát hạch lái xe đã không còn phù hợp với thời điểm hiện tại do đã có rất nhiều biến động về giá, như: mức lương tối thiểu tăng từ 1.050.000 đồng lên 1.490.000 đồng (40%); nhiên liệu; giá vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công việc thu phí từ năm 2013 đến nay đã tăng đáng kể.

Ngoài việc các chi phí quản lý chung đã tăng, trong thời gian qua hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động sát hạch lái xe đã có bổ sung, sửa đổi nhiều quy định mới yêu cầu về hiện đại hóa để nâng cao chất lượng công tác sát hạch, như:

- Quy định lắp đặt thiết bị sát hạch trên xe sát hạch đường trường, xây dựng thêm bài sát hạch “ghép ngang vào nơi đỗ đối với hạng B1, B2”, lắp đặt hệ thống camera giám sát nội dung sát hạch lái xe trên sân sát hạch, quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

- Quy định trung tâm sát hạch lái xe phải đầu tư thiết bị để cài đặt phần mềm sát hạch lái xe mô phỏng và thực hiện sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông từ ngày 01/6/2022 (quy định tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe).

Vi vậy, cần điều chỉnh tăng mức thu phí và bổ sung quy định thu phí đối với hoạt động sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.

b) Về tỷ lệ để lại

Qua phân tích số liệu quyết toán 03 năm (2019-2021), Bộ GTVT đã tính toán và đề xuất giảm mức để lại cho tổ chức thu phí và tăng mức chi trả tiền thuê trung tâm sát hạch với lý do: Việc quy định với mức chi trả “không quá 80% tổng số tiền phí thực thu được” tại Thông tư số 188/2016/TT-BTC phát sinh nhiều bất cập như: Sở GTVT gặp khó khăn trong công tác lựa chọn trung tâm sát hạch cung cấp dịch vụ cho thuê cơ sở vật chất để tổ chức sát hạch lái xe; không thống nhất mức chi trả trong cùng một địa bàn cũng như trên phạm vi toàn quốc; với trung tâm sát hạch là đơn vị cung cấp dịch vụ cho thuê cơ sở vật chất tổ chức sát hạch cho học sinh của nhiều cơ sở đào tạo dẫn đến người dân phải chờ đợi mới được thi sát hạch,...

3. Sự thay đổi của pháp luật chuyên ngành

a) Tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 188/2016/TT-BTC quy định: “2. Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.

Ngày 24/8/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT, trong đó quy định cơ quan quản lý đường bộ là: Cục Đường bộ Việt Nam và Cục Đường cao tốc Việt Nam (thay cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam). Theo đó, hoạt động sát hạch cấp giấy phép lái xe, cấp biển số xe chuyên dùng được chuyển giao cho Cục Đường bộ Việt Nam quản lý. Vì vậy, cần sửa đổi quy định về tổ chức thu phí, lệ phí.

b) Năm 2019, Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH15, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế (thay thế Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế).

Ngày 22/12/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 74/2022/TT-BTC quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính (trong đó, đã quy định cụ thể về hình thức thu, nộp phí, lệ phí của người nộp; tổ chức thu phí, lệ phí khai, nộp phí, lệ phí thu được với cơ quan thuế).

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 về hóa đơn, chứng từ và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (thay thế Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước).

Thông tư số 188/2016/TT-BTC quy định khai, nộp, in, phát hành chứng từ thu phí, lệ phí theo quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2006 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế năm 2006. Vì vậy, cần sửa đổi quy định khai, nộp, in, phát hành chứng từ thu phí, lệ phí phù hợp.

II. Mục tiêu, quan điểm

Việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 188/2016/TT-BTC đảm bảo:

- Phù hợp với chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng bộ với Luật Quản lý thuế, pháp luật về sát hạch, cấp giấy phép lái xe.
- Bảo đảm chính sách phí sát hạch lái xe công khai, minh bạch, khả thi và phù hợp với thực tế, tạo thuận lợi cho người dân và cơ quan quản lý nhà nước về giao thông trong việc thực hiện chính sách phí sát hạch lái xe.
- Phù hợp với tình hình thực tiễn, kế thừa nội dung quy định thu phí sát hạch lái xe hiện hành còn phù hợp.

III. Nội dung sửa đổi

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ GTVT, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 188/2016/TT-BTC. Trong đó, nội dung sửa đổi như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 2. Tổ chức thu và người nộp phí, lệ phí

Sửa khoản 2 Điều 2 Thông tư số 188/2016/TT-BTC như sau: “2. *Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm Cục Đường bộ Việt Nam Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*” nhằm phù hợp với quy định tại Nghị định số 56/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/8/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT.

2. Sửa đổi Điều 4. Kê khai, thu, nộp phí, lệ phí

- Sửa đổi khoản 1 Điều 4 Thông tư số 188/2016/TT-BTC như sau: “1. *Định kỳ chậm nhất là ngày thứ 5 hàng tuần, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong tuần trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc*

nhà nước” để tổ chức thu phí có thêm thời gian tổng hợp số phí thu được của tuần trước.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 4 Thông tư số 188/2016/TT-BTC: Dẫn chiếu thực hiện theo Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

3. Sửa đổi Điều 5. Quản lý và sử dụng phí

3.1. Sửa đổi tỷ lệ để lại

a) Quy định hiện hành

Tại Điều 5 Thông tư số 188/2016/TT-BTC quy định số tiền phí thu được sử dụng như sau:

- Trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí: Tổ chức thu phí có số thu phí sát hạch năm trước dưới 15 tỷ đồng/năm (Tổ chức thu phí loại A) được trích để lại 20% trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được; có số thu phí sát hạch năm trước từ 15 tỷ đồng/năm trở lên (Tổ chức thu phí loại B) được trích để lại 15% trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được. Tiền phí để lại quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

- Chi trả tiền thuê Trung tâm sát hạch tương ứng với loại Trung tâm (tối đa 80% tiền phí thu được);

- Nộp NSNN (phần còn lại sau khi trừ chi phí tổ chức thu và tiền thuê Trung tâm sát hạch).

Cụ thể theo Biểu sau:

Chi tiêu	Tỷ lệ để lại cho tổ chức thu (%)		Tiền thuê TTSH (%)	Nộp NSNN (%)	
	Cơ quan A	Cơ quan B		Cơ quan A	Cơ quan B
I. Trung tâm SH loại 1 và loại 2					
1. Không do NSNN đầu tư	20	15	≤ 80		≥ 5
2. Do NSNN đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư					
- Trong thời gian hoàn trả vốn và lãi vay	20	15	≤ 80		≥ 5
- Sau khi đã hoàn trả đủ vốn và lãi vay			≤ 40	≥ 40	≥ 45
3. Do NSNN đầu tư toàn bộ	20	15	≤ 40	≥ 40	≥ 45
II. Trung tâm SH loại 3	20	15	≤ 60	≥ 20	≥ 25
III. Tại các trung tâm, bãi sát hạch cũ	30		≤ 10	≥ 60	

b) Bộ GTVT đề nghị

- Đối với Trung tâm sát hạch loại 1, 2 và 3: Đề nghị (i) điều chỉnh giảm 5% mức để lại tiền phí thu được cho cơ quan thu, tăng mức tiền thuê Trung tâm sát hạch thêm 5% và (ii) bỏ quy định mức chi trả “tối đa” tiền thuê Trung tâm sát hạch, nộp NSNN mức “tối thiểu”.

- Đối với Trung tâm, bãi sát hạch cũ (được Bộ GTVT cho phép sát hạch): Đề nghị (i) điều chỉnh tăng mức để lại thêm 10% (từ 30% lên 40%) cho cơ quan thu phí và (ii) bổ sung mức chi trả 30% tiền phí cho Trung tâm sát hạch đối với trường hợp Trung tâm sát hạch này có lắp thiết bị phục vụ sát hạch.

c) Dự thảo Thông tư

- Tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP đã quy định cụ thể các nội dung chi tiền phí để lại; tổ chức thu phí sẽ sử dụng tiền phí để lại để chi cho các nội dung này, cụ thể như sau:

“2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập)....

- Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

b) Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập).

- Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.”

- Các Thông tư thu phí hiện hành quy định nội dung chi viện dẫn thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; *không quy định cụ thể về định mức chi (tối đa, tối thiểu) các nội dung chi.*

Hiện nay, hoạt động đầu tư xây dựng Trung tâm sát hạch đã được xã hội hóa, việc quy định định mức chi trả tiền thuê Trung tâm sát hạch không còn phù hợp, vì vậy, tại Điều 5 dự thảo Thông tư quy định như sau:

(1) Điều chỉnh lại tỷ lệ để lại cho tổ chức thu như sau: Để lại cho tổ chức thu phí 75%; nộp NSNN 25%; Trường hợp sát hạch tại Trung tâm, bãi sát hạch cũ, để lại tổ chức thu phí 40%; nộp NSNN 60% (*kế thừa quy định hiện hành*).

(2) Số tiền được trích để lại, tổ chức thu phí quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định; trường hợp hết năm, số tiền phí đã được chuyển nguồn không còn nhiệm vụ chi thì phải nộp toàn bộ vào NSNN.

3.2. Về bổ sung nội dung chi cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, sát hạch

a) Bộ GTVT đề nghị

Để tăng cường công tác quản lý, sát hạch lái xe, Chính phủ và Bộ GTVT đã giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam (nay là Cục Đường bộ Việt Nam) ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe để thực hiện chuyển đổi số trong Chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, cụ thể:

- Chi trả thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, hỗ trợ quản lý giám sát trực tiếp dữ liệu hình ảnh camera từ các Trung tâm sát hạch lái xe trên toàn quốc (theo quy định điểm b khoản 18 Điều 1 Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019).

- Chi trả thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, hỗ trợ quản lý giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên của Cục Đường bộ Việt Nam (theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 26/4/2022).

Để đáp ứng yêu cầu quản lý, cần nguồn kinh phí đảm bảo duy trì các hoạt động trên. Vì vậy, đề xuất bổ sung quy định: *Cục Đường bộ Việt Nam được sử dụng nguồn kinh phí sát hạch lái xe để chi trả cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo sát hạch, cấp giấy phép lái xe.*

b) Dự thảo Thông tư

- Tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định tiền phí để lại được sử dụng để: *“Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.”*

- Tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước đã quy định cụ thể về kinh phí duy trì hoạt động và phát triển Cổng thông tin điện tử như sau:

“1. Kinh phí duy trì hoạt động và phát triển cổng thông tin điện tử được bảo đảm từ các nguồn:

b) Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị được phép để lại sử dụng theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ quy định nêu trên, nội dung chi cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, sát hạch thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP mà không cần bổ sung nội dung chi này vào Thông tư thay thế Thông tư số 188/2016/TT-BTC.

4. Sửa đổi Điều 6. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

Sửa đổi khoản 2 Điều 6 Thông tư số 188/2016/TT-BTC: Dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

5. Sửa đổi Biểu mức thu phí

a) Bộ GTVT đề nghị

(i) điều chỉnh tăng mức phí sát hạch lái xe từ 10-20% mức phí hiện hành (riêng sát hạch lý thuyết lái xe mô tô tăng 50%);

(ii) bổ sung thêm mức thu phí đối với nội dung sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, mức phí là 100.000 đồng/lần sát hạch.

Cụ thể sửa đổi điểm 3 Biểu mức thu phí sát hạch ban hành kèm theo Thông tư số 188/2016/TT-BTC như sau:

Số TT	Tên phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức phí hiện hành (đồng)	Mức phí Bộ GTVT đề xuất (đồng)
3	Phí sát hạch lái xe			
a	Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4):			
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	40.000	60.000
	- Sát hạch thực hành	Lần	50.000	70.000
b	Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F):			
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	90.000	100.000
	- Sát hạch thực hành trong hình	Lần	300.000	350.000
	- Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng	Lần	60.000	80.000
	- Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	Lần		100.000

b) Dự thảo Thông tư

(i) Về mức thu phí

Theo Bộ GTVT, mức phí tại Thông tư số 188/2016/TT-BTC cơ bản kế thừa mức phí từ năm 2013, đến nay đã qua 09 năm thực hiện. Trong thời gian đó, các chi phí liên quan đến hoạt động sát hạch tăng, Bộ GTVT và các Trung tâm sát hạch đều phải đầu tư thêm hệ thống phần mềm quản lý hoạt động sát hạch cũng như hệ thống phương tiện, thiết bị có liên quan để đảm bảo điều kiện sát hạch theo quy định. Do đó, cần thiết điều chỉnh tăng mức thu phí sát hạch.

Mức tăng phí Bộ GTVT đề xuất tương ứng với mức tăng chỉ số giá tiêu dùng và tăng lương. Vì vậy, dự thảo Thông tư quy định mức thu phí như Bộ GTVT đề xuất.

(ii) Về đề xuất bổ sung thu phí đối với nội dung sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông

- Tại điểm 1.3 mục V phần A Danh mục Phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định “*Phí sát hạch lái xe*” thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính.

- Tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2015/TT-BTC ngày 06/7/2015 quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư

số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ quy định: “4. Trung tâm sát hạch lái xe sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để sát hạch lái xe từ ngày 01/6/2022”.

Như vậy, pháp luật chuyên ngành đã bổ sung thêm nội dung phải thực hiện sát hạch, cơ quan nhà nước thực hiện cung cấp thêm dịch vụ, mức phí đề xuất tương ứng sát hạch lý thuyết, vì vậy, dự thảo Thông tư bổ sung thêm dòng phí tại điểm 3 Biểu mức thu phí như sau: “*Phí sát hạch lái xe ô tô: Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông*” với mức thu 100.000 đồng/lần (bằng mức thu sát hạch lý thuyết).

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 8359 /BGTVT-TC

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

V.v: Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được các văn bản số 46/TTr-TCĐBVN ngày 22/4/2022; số 4155/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 13/7/2022 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về kiến nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; kiến nghị của Hiệp hội vận tải tại văn bản số 53/HH-KNVT ngày 2/8/2022 kiến nghị điều chỉnh tăng mức thu phí sát hạch, về việc này, Bộ GTVT có ý kiến gửi Bộ Tài chính đề nghị như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Thông tư:

Mức thu phí sát hạch lái xe quy định tại Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 được ban hành trên cơ sở giữ nguyên mức thu quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BTC ngày 27/2/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

Qua gần 9 năm thực hiện mức thu sát hạch lái xe này đến nay đã không còn phù hợp với thời điểm hiện tại do đã có rất nhiều biến động về giá, như: mức lương tối thiểu tăng từ 1.050.000 đồng lên 1.490.000 đồng (40%); nhiên liệu; Giá vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công việc thu phí từ năm 2013 đến nay đã tăng đáng kể.

Ngoài việc các chi phí quản lý chung đã tăng, trong thời gian qua hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động sát hạch lái xe đã có bổ sung, sửa đổi nhiều quy định mới yêu cầu về hiện đại hóa để nâng cao chất lượng công tác sát hạch, như:

+ Quy định lắp đặt thiết bị sát hạch trên xe sát hạch đường trường, xây dựng thêm bài sát hạch “ghép ngang vào nơi đỗ đối với hạng B1, B2”, lắp đặt hệ thống camera giám sát nội dung sát hạch lái xe trên sân sát hạch, quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 8/10/2019 của Bộ trưởng bộ Giao thông vận tải...).

+ Quy định trung tâm sát hạch lái xe phải đầu tư thiết bị để cài đặt phần mềm sát hạch lái xe mô phỏng được Bộ Giao thông vận tải quy định tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP; bổ sung thêm 01 nội dung sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông từ ngày 01/6/2022 (theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015; Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ).

- Việc quy định với mức chi trả “không quá 80% tổng số tiền phí thực thu được” tại Thông tư số 188/2016/TT-BTC thì với mức khung chi trả thuê trung tâm sát hạch lái xe có nhiều bất cập, gây khó khăn cho các Sở Giao thông vận tải trong công tác lựa chọn Trung tâm sát hạch lái xe cung cấp dịch vụ cho thuê cơ sở vật chất để tổ chức sát hạch lái xe; không thống nhất mức chi trả trong cùng một địa bàn cũng như trên phạm vi toàn quốc, trong khi các trung tâm sát hạch lái xe đều phải đáp ứng điều kiện hoạt động cũng như Quy chuẩn kỹ thuật thống nhất, phát sinh tình trạng trên cùng một địa bàn, Trung tâm sát hạch lái xe được chọn là đơn cung cấp dịch vụ cho thuê cơ sở vật chất tổ chức sát hạch cho học sinh của nhiều cơ sở đào tạo dẫn đến người dân phải chờ đợi mới được sát hạch, ảnh hưởng đến thời gian ôn tập trực tiếp tại sân sát hạch trước khi thi; cơ quan tổ chức sát hạch không chủ động việc bố trí lịch sát hạch cho các cơ sở đào tạo lái xe, do phải ghép học sinh của nhiều cơ sở đào tạo vào cùng một kỳ sát hạch mới đảm bảo đủ thời gian ôn tập và sát hạch...

- Tổng cục ĐBVN đã khảo sát và có đánh giá chi phí thực tế tại một số cơ quan thu, chi phí đề cập nhật và bổ sung nội dung kiến nghị (văn bản số 4155/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 13/7/2022).

2. Kiến nghị:

Để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo chi phí trang trải cho việc thực hiện công tác sát hạch lái xe đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về sân sát hạch theo các quy định

của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Bộ GTVT đề nghị Bộ Tài chính xem xét ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng cho phù hợp.

Bộ GTVT gửi kèm theo dự thảo Thông tư, đề nghị Bộ Tài chính sớm xem xét, xử lý theo thẩm quyền./.

Gửi kèm theo văn bản này:

- Văn bản số 4155/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 13/7/2022 của Tổng cục ĐBVN;
- Văn bản số 53/HH-KNVT ngày 2/8/2022 của Hiệp hội vận tải.
- Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 188/2016/TT-BTC.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ CST – Bộ Tài chính;
- Các Vụ: Vận tải, ATGT (để biết);
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu: VT – TC (Khang).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Đình Thọ

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 4155 /TCĐBVN-QLPT&NL
V/v: Bổ sung thuyết minh, phân tích, tổng hợp số liệu đã thực hiện thu, để lại sử dụng của một số Sở GTVT đối với nội dung kiến nghị sửa đổi Thông tư số 188/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải (Vụ Tài chính).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải tại văn bản số 5021/BGTVT-TC ngày 23/5/2022 về việc bổ sung thêm đánh giá tình hình thực hiện trong 3 năm gần đây (*số liệu thực hiện và đã quyết toán các năm: 2019,2020,2021*) và nghiên cứu, xem xét chi phí tổ chức thực hiện và duy trì các trang thiết bị để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác sát hạch để bổ sung hồ sơ đối với Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quản lý sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; sau khi phối hợp với đại diện các Sở Giao thông vận tải thuộc các vùng, miền và loại hình thu phí theo quy định và nghiên cứu việc triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác sát hạch lái xe thời gian qua, Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải như sau:

1. Về việc bổ sung thêm đánh giá tình hình thực hiện trong 3 năm gần đây (*số liệu thực hiện và đã quyết toán các năm: 2019,2020,2021*):

Qua phân tích số liệu quyết toán 3 năm gần đây, số tiền phí được để lại cho Tổ chức thu để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ như sau:

(1) Đối với đơn vị loại A (có số thu từ phí sát hạch năm trước dưới 15 tỷ đồng/năm):

- Các Sở có tổng số thu từ 5 đến 10 tỷ là: chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm khoảng 18% tổng số thu, đủ để tổ chức thực hiện.

- Các Sở có tổng số thu dưới 5 tỷ là: chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm khoảng 20% tổng số thu, không đủ tổ chức thực hiện.

(2) Đối với đơn vị loại B (có số thu từ phí sát hạch năm trước trên 15 tỷ đồng/năm): chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ chiếm khoảng trên 6% tổng số thu, nên số dư hàng năm các Sở Giao thông vận tải chuyển sang năm sau để thực hiện theo quy định.

(Kèm theo văn bản này báo cáo số liệu thực hiện và đã quyết toán các năm: 2019, 2020, 2021 của các Sở Giao thông vận tải và của Tổng cục Đường bộ Việt Nam)

Qua phân tích đánh giá trên, Tổng cục Đường bộ Việt Nam đề xuất đối với nội dung trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí: điều chỉnh tỷ lệ Tổ chức thu phí được trích như sau: Đối với Tổ chức thu phí loại A điều chỉnh từ tỷ lệ trích để lại từ 20% xuống 15% và Tổ chức thu phí loại B điều chỉnh từ tỷ lệ trích để lại từ 15% xuống 10% (được xác định trên cơ sở sau khi điều chỉnh tăng mức thu phí hiện hành).

2. Nghiên cứu, xem xét chi phí tổ chức thực hiện và duy trì các trang thiết bị để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác sát hạch

Sau thời gian triển khai thực hiện Thông tư số 188/2016/TT-BTC, Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải đã giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe để thực hiện chuyển đổi số trong Chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, cụ thể:

TT	Nội dung thực hiện	Văn bản QPPL	Ghi chú
1	Thực hiện cung cấp dịch vụ công mức độ 4	Thực hiện quy định Mục 20 Phụ lục I. Danh mục các TTHC thiết yếu ưu tiên tích hợp, chia sẻ dữ liệu dẫn cư của cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với công dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ giải quyết TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Duy trì hàng năm
-	Chi trả thuê dịch vụ công nghệ thông tin (hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, hỗ trợ vận hành) để duy trì khai thác thực hiện cung cấp dịch vụ công mức độ 4 đối với thủ tục cấp giấy phép lái xe quốc tế		
-	Chi trả thuê dịch vụ công nghệ thông tin (hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, hỗ trợ vận hành) để duy trì khai thác thực hiện cung cấp dịch vụ công mức độ 4 đối với thủ tục cấp, đổi giấy phép lái xe.		
2	Hệ thống thông tin giấy phép lái xe toàn quốc		
-	Chi trả thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, hỗ trợ quản lý, vận hành và bảo hành hệ thống máy	Khoản 1 Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 07/2013/TT-BGTVT ngày 03/5/2013 của Bộ GTVT quy	Duy trì

	chủ của Trung tâm dữ liệu GPLX TW	định về quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe.	hàng năm
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo, sát hạch lái xe		
-	Chi trả thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, hỗ trợ quản lý giám sát trực tiếp giữ liệu hình ảnh camera từ các Trung tâm sát hạch lái xe trên toàn quốc	Điểm b Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019	Duy trì hàng năm
-	Chi trả thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, hỗ trợ quản lý giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên của Tổng cục Đường bộ Việt Nam	Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 26/4/2022	Duy trì hàng năm

Để đáp ứng yêu cầu quản lý, hàng năm Tổng cục Đường bộ Việt Nam cần nguồn kinh phí đảm bảo duy trì các hoạt động trên; Vì vậy, đề xuất quy định cơ quan thu phí được sử dụng nguồn kinh phí sát hạch lái xe để chi trả cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

(Kèm theo Dự thảo Thông tư sau khi sửa đổi Dự thảo Thông tư sau khi nghiên cứu, đánh giá bổ sung; Bảng so sánh dự thảo văn bản với văn bản hiện hành).

Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, QLPT&NL.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Phan Thị Thu Hiền

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng***Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;**Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.***Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng**

1. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Phí sát hạch lái xe là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

a) Trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí: Tổ chức thu phí có số thu từ phí sát hạch năm trước dưới 15 tỷ đồng/năm (sau đây gọi tắt là tổ chức thu phí loại A) được trích để lại 15% trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được; tổ chức thu phí có số thu từ phí sát hạch năm trước từ 15 tỷ đồng/năm trở lên (sau đây gọi tắt là tổ chức thu phí loại B) được trích để lại 10% trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền được trích để lại được quản lý và

sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam sử dụng số tiền được trích để lại trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí và chi trả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

b) Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu của các trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe theo quy định sau:

- Đối với trung tâm sát hạch loại 1 (sát hạch lái xe tất cả các hạng) và trung tâm sát hạch loại 2 (sát hạch lái xe đến hạng C)

+ Trường hợp trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư: Tổ chức thu phí được sử dụng 85% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe.

+ Trường hợp trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư: Tổ chức thu phí được sử dụng 85% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm trong thời gian phải hoàn trả vốn và lãi vay theo kế ước vay hoặc do cơ quan có thẩm quyền (Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải) xác định. Sau khi đã hoàn trả đủ vốn và lãi vay đầu tư, tổ chức thu phí được sử dụng 45% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).

+ Trường hợp trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ: Tổ chức thu phí được sử dụng 45% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).

- Đối với trung tâm sát hạch loại 3 (sát hạch lái xe đến hạng A4): Tổ chức thu phí được sử dụng 60% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).

c) Nộp ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

c.1) Đối với trung tâm sát hạch loại 1 và loại 2:

- Tổ chức thu phí loại A phải nộp ngân sách nhà nước với mức tối thiểu đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay (sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay) hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ, tổ chức thu phí phải nộp 40% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (15%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (45%).

Ví dụ 1: Trường hợp Sở Giao thông vận tải Hà Nội thuê trung tâm sát hạch của cơ quan nhà nước (thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng- trung tâm do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ) hoặc trung tâm của Đơn vị sự nghiệp Y (trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay). Sở Giao thông vận tải phải nộp 45% số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 10 tỷ đồng (tổng số tiền phí thực thu được) - 1.5 tỷ đồng (số tiền được trích để lại) - 4 tỷ đồng (trả tiền thuê trung tâm sát hạch) = 4.5 tỷ đồng.

- Tổ chức thu phí loại B phải nộp ngân sách nhà nước với mức tối thiểu đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư (trong thời gian hoàn trả vốn vay và lãi vay), tổ chức thu phí phải nộp 5% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (10%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (85%).

Ví dụ 2: Sở Giao thông vận tải Hà Nội thực hiện sát hạch cấp giấy phép lái xe có số tiền thu phí sát hạch hàng năm là 20 tỷ đồng (tổ chức thu phí loại A). Sở Giao thông vận tải thuê trung tâm sát hạch của Doanh nghiệp X (trung tâm được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước) với mức tiền thuê bằng 85% tổng số tiền phí thực thu được. Sở Giao thông vận tải phải nộp 5% số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 20 tỷ đồng (tổng số tiền phí thực thu được) - 2 tỷ đồng (số tiền được trích để lại) - 17 tỷ đồng (trả tiền thuê trung tâm sát hạch) = 1 tỷ đồng.

+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay (sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay) và trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ, tổ chức thu phí phải nộp 45% số tổng tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (10%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (45%).

Cách tính cụ thể số tiền phí phải nộp ngân sách nhà nước tương tự như ở ví dụ 2 nêu trên.

c.2) Đối với trung tâm sát hạch loại 3: Tổ chức thu phí loại A phải nộp 25% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước; tổ chức thu phí loại B phải nộp 30% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Tại những địa phương còn khó khăn về điều kiện vật chất, chưa xây dựng được trung tâm sát hạch đủ điều kiện vật chất nhưng vẫn được Bộ Giao thông vận tải cho phép sát hạch lái xe mô tô tại các trung tâm, bãi sát hạch cũ thì việc quản lý và sử dụng tiền phí sát hạch lái xe mô tô thu được như sau:

a) Tổ chức thu phí được để lại 40% trên tổng số tiền phí thực thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền được trích để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

b) Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu 10% trên tổng số tiền phí thực thu được đối với các trung tâm, bãi sát hạch không lắp thiết bị và 30% trên tổng số tiền phí thực thu được đối với các trung tâm, bãi sát hạch lắp thiết bị.

c) Nộp ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

+ Trường hợp thuê trung tâm, bãi sát hạch không lắp thiết bị với số tiền thuê 10% tổng số tiền phí thực thu được thì tổ chức thu phí phải nộp số tiền chênh lệch vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%)
- Số tiền được trích để lại (40%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (10%).

+ Trường hợp thuê trung tâm, bãi sát hạch lắp thiết bị với số tiền thuê 30% tổng số tiền phí thực thu được thì tổ chức thu phí phải nộp số tiền chênh lệch vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%)
- Số tiền được trích để lại (40%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (30%).”.

Điều 2. Thay thế Biểu mức thu phí, lệ phí của Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng

Thay thế Biểu mức thu phí, lệ phí của Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 bằng Biểu mức thu phí, lệ phí của Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 12 năm 2022.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc BTC;
- Lưu: VT, Vụ HCSN. (180 bản)

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BIỂU MỨC THU PHÍ SÁT HẠCH; LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE; LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(kèm theo Thông tư số /2022/TT-BTC ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Tên phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng (phương tiện thi công)		
a	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy đăng ký kèm theo biển số	Lần/phương tiện	200.000
b	Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số	Lần/phương tiện	50.000
c	Cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời	Lần/phương tiện	70.000
d	Đóng lại số khung, số máy	Lần/phương tiện	50.000
2	Lệ phí cấp giấy phép lái xe		
	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe (quốc gia và quốc tế)	Lần	135.000
3	Phí sát hạch lái xe		
a	Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4):		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	60.000
	- Sát hạch thực hành	Lần	70.000
b	Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F):		
	- Sát hạch lý thuyết	Lần	100.000
	- Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	Lần	100.000
	- Sát hạch thực hành trong hình	Lần	350.000
	- Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng	Lần	80.000

Ghi chú:

1. Mức thu phí sát hạch lái xe cơ giới đường bộ được áp dụng thống nhất trên cả nước khi cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe (không phân biệt cơ quan thuộc Trung ương hay địa phương quản lý) tổ chức sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.
2. Người dự sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phần nào thì nộp phí sát hạch phần đó (tính theo lần sát hạch: sát hạch lần đầu, sát hạch lại).

BẢNG THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI

Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng

TT	Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016	Ghi chú
1	Điều 5. Quản lý và sử dụng phí	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng	
1.1	Khoản 1 Điều 5 1. Phí sát hạch lái xe là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau: a) Trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí: Tổ chức thu phí có số thu từ phí sát hạch năm trước dưới 15 tỷ đồng/năm (sau đây gọi tắt là tổ chức thu phí loại A) được trích để lại 20%	1. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 5 như sau: a) Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 5 như sau: “1. Phí sát hạch lái xe là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau: a) Trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí: Tổ chức thu phí có số thu từ phí sát hạch năm	- Điều chỉnh tỷ lệ Tổ chức thu phí được trích như sau: Đối với Tổ chức thu phí loại A điều chỉnh từ tỷ lệ trích để lại từ 20% xuống 15% và Tổ chức

	<p>trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được; tổ chức thu phí có số thu từ phí sát hạch năm trước từ 15 tỷ đồng/năm trở lên (sau đây gọi tắt là tổ chức thu phí loại B) được trích để lại 15% trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền được trích để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.</p> <p>b) Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu của các trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe theo quy định sau:</p> <p>- Đối với trung tâm sát hạch loại 1 (sát hạch lái xe tất cả các hạng) và trung tâm sát hạch loại 2 (sát hạch lái xe đến hạng C)</p> <p>+ Trường hợp trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư: Tổ chức thu phí được sử dụng không quá 80% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe.</p> <p>+ Trường hợp trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư: Tổ chức thu phí được sử dụng không quá 80% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm trong thời gian phải hoàn trả</p>	<p>trước dưới 15 tỷ đồng/năm (sau đây gọi tắt là tổ chức thu phí loại A) được trích để lại 15% trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được; tổ chức thu phí có số thu từ phí sát hạch năm trước từ 15 tỷ đồng/năm trở lên (sau đây gọi tắt là tổ chức thu phí loại B) được trích để lại 10% trên tổng số tiền phí sát hạch thực thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền được trích để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.</p> <p>- Tổng cục Đường bộ Việt Nam sử dụng số tiền được trích để lại trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí và chi trả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.</p> <p>b) Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu của các trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe theo quy định sau:</p>	<p>thu phí loại B điều chỉnh từ tỷ lệ trích để lại từ 15% xuống 10% (được xác định trên cơ sở sau khi điều chỉnh tăng mức thu phí hiện hành)</p> <p>- Điều chỉnh biên độ khung mức chi trả thuê Trung tâm sát hạch lái xe, để có sự thống nhất trong việc quản lý, sử dụng phí sát hạch lái xe phạm vi toàn quốc, đồng thời giảm thiểu sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các trung tâm sát hạch lái xe, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân</p>
--	--	---	--

	<p>vốn và lãi vay theo khế ước vay hoặc do cơ quan có thẩm quyền (Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải) xác định. Sau khi đã hoàn trả đủ vốn và lãi vay đầu tư, tổ chức thu phí được sử dụng không quá 40% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).</p> <p>+ Trường hợp trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ: Tổ chức thu phí được sử dụng không quá 40% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).</p> <p>- Đối với trung tâm sát hạch loại 3 (sát hạch lái xe đến hạng A4): Tổ chức thu phí được sử dụng không quá 60% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).</p> <p>c) Nộp ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:</p> <p>c.1) Đối với trung tâm sát hạch loại 1 và loại 2:</p>	<p>- Đối với trung tâm sát hạch loại 1 (sát hạch lái xe tất cả các hạng) và trung tâm sát hạch loại 2 (sát hạch lái xe đến hạng C)</p> <p>+ Trường hợp trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư: Tổ chức thu phí được sử dụng 85% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm sát hạch cấp giấy phép lái xe.</p> <p>+ Trường hợp trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư: Tổ chức thu phí được sử dụng 85% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm trong thời gian phải hoàn trả vốn và lãi vay theo khế ước vay hoặc do cơ quan có thẩm quyền (Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải) xác định. Sau khi đã hoàn trả đủ vốn và lãi vay đầu tư, tổ chức thu phí được sử dụng 45% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).</p> <p>+ Trường hợp trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ: Tổ chức thu phí được sử dụng 45% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).</p>
--	--	--

	<p>- Tổ chức thu phí loại A phải nộp ngân sách nhà nước với mức tối thiểu đối với từng trường hợp cụ thể như sau:</p> <p>+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư (trong thời gian hoàn trả vốn vay và lãi vay) với số tiền thuê thấp hơn mức 80% tổng số tiền phí thực thu được thì tổ chức thu phí phải nộp số tiền chênh lệch vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 80% tổng số tiền phí thu được - số tiền thuê trung tâm sát hạch.</p> <p>Ví dụ 1: Sở Giao thông vận tải Hà Nội thực hiện sát hạch cấp giấy phép lái xe có số tiền thu phí sát hạch hàng năm là 10 tỷ đồng (tổ chức thu phí loại A). Sở Giao thông vận tải thuê trung tâm sát hạch của Doanh nghiệp X (trung tâm được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước) với mức tiền thuê bằng 60% tổng số tiền phí thu được. Sở Giao thông vận tải phải nộp 20% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 10 tỷ đồng (tổng số tiền phí thu được) - 2 tỷ đồng (số tiền được trích để lại) - 6 tỷ đồng (trả tiền thuê trung tâm sát hạch) = 2 tỷ đồng.</p>	<p>thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).</p> <p>- Đối với trung tâm sát hạch loại 3 (sát hạch lái xe đến hạng A4): Tổ chức thu phí được sử dụng 60% tổng số tiền phí thực thu được để chi trả cho trung tâm (để trung tâm trang trải chi phí như: duy trì cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu).</p> <p>c) Nộp ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:</p> <p>c.1) Đối với trung tâm sát hạch loại 1 và loại 2:</p> <p>- Tổ chức thu phí loại A phải nộp ngân sách nhà nước với mức tối thiểu đối với từng trường hợp cụ thể như sau:</p> <p>+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay (sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay) hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ, tổ chức thu phí phải nộp 40% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (15%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (45%).</p>
--	---	--

	<p>+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay (sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay) hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ, tổ chức thu phí phải nộp tối thiểu 40% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (20%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (tối đa là 40%).</p> <p>Ví dụ 2: Cũng với giả thiết ở ví dụ 1 nêu trên, trường hợp Sở Giao thông vận tải Hà Nội thuê trung tâm sát hạch của cơ quan nhà nước (thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng- trung tâm do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ) hoặc trung tâm của Đơn vị sự nghiệp Y (trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay) với mức tiền thuê bằng 30% số tiền phí thực thu được. Sở Giao thông vận tải phải nộp 50% số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 10 tỷ đồng (tổng số tiền phí thực thu được) - 2 tỷ đồng (số tiền được trích để lại) - 3 tỷ đồng (trả tiền thuê trung tâm sát hạch) = 5 tỷ đồng.</p>	<p>Ví dụ 1: Trường hợp Sở Giao thông vận tải Hà Nội thuê trung tâm sát hạch của cơ quan nhà nước (thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng- trung tâm do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ) hoặc trung tâm của Đơn vị sự nghiệp Y (trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay). Sở Giao thông vận tải phải nộp 45% số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 10 tỷ đồng (tổng số tiền phí thực thu được) - 1.5 tỷ đồng (số tiền được trích để lại) - 4 tỷ đồng (trả tiền thuê trung tâm sát hạch) = 4.5 tỷ đồng.</p> <p>- Tổ chức thu phí loại B phải nộp ngân sách nhà nước với mức tối thiểu đối với từng trường hợp cụ thể như sau:</p> <p>+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay vốn đầu tư (trong thời gian hoàn trả vốn vay và lãi vay), tổ chức thu phí phải nộp 5% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%) - Số tiền được trích</p>
--	---	--

	<p>- Tổ chức thu phí loại B phải nộp ngân sách nhà nước với mức tối thiểu đối với từng trường hợp cụ thể như sau:</p> <p>+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch không do ngân sách nhà nước đầu tư hoặc trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vốn đầu tư (trong thời gian hoàn trả vốn vay và lãi vay), tổ chức thu phí phải nộp tối thiểu 5% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (15%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (tối đa 80%).</p> <p>+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay (sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay) và trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ, tổ chức thu phí phải nộp tối thiểu 45% số tổng tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (15%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (tối đa 40%).</p>	<p>để lại (10%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (85%).</p> <p>Ví dụ 2: Sở Giao thông vận tải Hà Nội thực hiện sát hạch cấp giấy phép lái xe có số tiền thu phí sát hạch hàng năm là 20 tỷ đồng (tổ chức thu phí loại A). Sở Giao thông vận tải thuê trung tâm sát hạch của Doanh nghiệp X (trung tâm được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước) với mức tiền thuê bằng 85% tổng số tiền phí thu được. Sở Giao thông vận tải phải nộp 5% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = 20 tỷ đồng (tổng số tiền phí thu được) - 2 tỷ đồng (số tiền được trích để lại) - 17 tỷ đồng (trả tiền thuê trung tâm sát hạch) = 1 tỷ đồng.</p> <p>+ Trường hợp thuê trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư một phần, một phần vay (sau khi đã hoàn trả vốn và lãi vay) và trung tâm sát hạch do ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ, tổ chức thu phí phải nộp 45% số tổng tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (10%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (45%).</p>
--	--	---

	<p>Cách tính cụ thể số tiền phí phải nộp ngân sách nhà nước tương tự như ở ví dụ 1 và ví dụ 2 nêu trên.</p> <p>c.2) Đối với trung tâm sát hạch loại 3: Tổ chức thu phí loại A phải nộp 20% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước; tổ chức thu phí loại B phải nộp 25% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.</p>	<p>Cách tính cụ thể số tiền phí phải nộp ngân sách nhà nước tương tự như ở ví dụ 2 nêu trên.</p> <p>c.2) Đối với trung tâm sát hạch loại 3: Tổ chức thu phí loại A phải nộp 25% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước; tổ chức thu phí loại B phải nộp 30% tổng số tiền phí thực thu được vào ngân sách nhà nước.”.</p>	
<p>1.2</p>	<p>Khoản 2 Điều 5</p> <p>2. Tại những địa phương còn khó khăn về điều kiện vật chất, chưa xây dựng được trung tâm sát hạch đủ điều kiện vật chất nhưng vẫn được Bộ Giao thông vận tải cho phép sát hạch lái xe mô tô tại các trung tâm, bãi sát hạch cũ thì việc quản lý và sử dụng tiền phí sát hạch lái xe mô tô thu được như sau:</p> <p>a) Tổ chức thu phí được để lại 30% trên tổng số tiền phí thực thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền được trích để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.</p> <p>b) Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát</p>	<p>b) Sửa đổi khoản 2 Điều 5 như sau:</p> <p>“2. Tại những địa phương còn khó khăn về điều kiện vật chất, chưa xây dựng được trung tâm sát hạch đủ điều kiện vật chất nhưng vẫn được Bộ Giao thông vận tải cho phép sát hạch lái xe mô tô tại các trung tâm, bãi sát hạch cũ thì việc quản lý và sử dụng tiền phí sát hạch lái xe mô tô thu được như sau:</p> <p>a) Tổ chức thu phí được để lại 40% trên tổng số tiền phí thực thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí. Số tiền được trích để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.</p>	<p>- Bổ sung thêm 01 loại hình trung tâm sát, bãi sát hạch lái xe có lắp thiết bị chấm điểm tự động nhưng không đủ điều kiện là trung tâm sát hạch lái xe theo Quy chuẩn Trung tâm sát hạch</p> <p>- Điều chỉnh tăng mức phí được để lại cho Tổ chức thu phí bù đắp trang trải chi phí cung cấp dịch vụ,</p>

	<p>hạch, nhiên liệu của các trung tâm, bãi sát hạch này không quá 10% trên tổng số tiền phí thực thu được.</p> <p>c) Nộp ngân sách nhà nước tối thiểu 60% trên tổng số tiền phí thực thu được.</p>	<p>b) Chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm, lưu giữ hồ sơ sát hạch, nhiên liệu 10% trên tổng số tiền phí thực thu được đối với các trung tâm, bãi sát hạch không lắp thiết bị và 30% trên tổng số tiền phí thực thu được đối với các trung tâm, bãi sát hạch lắp thiết bị.</p> <p>c) Nộp ngân sách nhà nước cụ thể như sau:.</p> <p>+ Trường hợp thuê trung tâm, bãi sát hạch không lắp thiết bị với số tiền thuê 10% tổng số tiền phí thực thu được thì tổ chức thu phí phải nộp số tiền chênh lệch vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (40%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (10%).</p> <p>+ Trường hợp thuê trung tâm, bãi sát hạch lắp thiết bị với số tiền thuê 30% tổng số tiền phí thực thu được thì tổ chức thu phí phải nộp số tiền chênh lệch vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước = Tổng số tiền phí thực thu được (100%) - Số tiền được trích để lại (40%) - Số tiền thuê trung tâm sát hạch (30%).”.</p>	<p>thu phí. Do tại các địa phương còn khó khăn về cơ sở vật chất, các trung tâm, bãi sát hạch lái xe được xây dựng tại các địa điểm xa so với Trung tâm (tạo điều kiện thuận lợi cho người dân) dẫn đến chi phí đi lại cho đội ngũ trực tiếp thực hiện sát hạch tăng.</p>
--	--	--	---

2	Biểu mức thu phí, lệ phí	Điều 2. Thay thế Biểu mức thu phí, lệ phí của Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng	Phù hợp với tình hình thực tế
2.1	Điểm a Mục 3 Biểu mức thu phí Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): - Sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần - Sát hạch thực hành: 50.000đ/lần	Điểm a Mục 3 Biểu mức thu phí Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): - Sát hạch lý thuyết: 60.000đ/lần - Sát hạch thực hành: 70.000đ/lần	Phù hợp với tình hình thực tế
2.2	Điểm b Mục 3 Biểu mức thu phí - Sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần - Sát hạch thực hành trong hình: 300.000đ/lần - Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 60.000đ/lần	Điểm b Mục 3 Biểu mức thu phí - Sát hạch lý thuyết: 100.000đ/lần - Sát hạch thực hành trong hình: 350.000đ/lần - Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 80.000đ/lần - Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000đ/lần	Phù hợp với tình hình thực tế

HIỆP HỘI VẬN TẢI Ô TÔ
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53 /KN - HHVT

Hà Nội, ngày 2 tháng 8 năm 2022

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
03-08-2022
Số: 34.776
Chuyên: Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam đã có Công văn số 41/CV-HHVT, ngày 29/6/2022 gửi Bộ Tài chính “Đề nghị điều chỉnh tăng mức thu phí sát hạch lái xe”.

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam đã có Công văn số 41/CV-HHVT, ngày 29/6/2022 gửi Bộ Tài chính “Đề nghị điều chỉnh tăng mức thu phí sát hạch lái xe”; theo đó, ngày 25/7/2022, Hiệp hội nhận được Văn bản số 7117/BTC-CST, ngày 21/7/2022 của Bộ Tài chính trả lời Công văn số 41/CV-HHVT với nội dung: “Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam kiến nghị với Bộ Giao thông vận tải, đề Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, đề xuất Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 188/2016/TT-BTC (nếu cần)”.

Hiện nay, đang thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe theo Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. Theo đó, với mức thu phí sát hạch lái xe cụ thể là 540.000 đồng, trong đó 20% là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, trung tâm sát hạch lái xe được để lại tối đa là 80% trên tổng số thu là 540.000 đồng. Tuy nhiên, thời gian qua theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước, các Trung tâm phải đầu tư thêm bài thi tại Trung tâm sát hạch, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, phần mềm quản lý, đặc biệt là giá xăng dầu tăng liên tục trong thời gian qua, tiền lương cơ bản đã được cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh nhiều lần,...vv. Như vậy, nếu không điều chỉnh tăng mức thu phí sát hạch phù hợp thì các Trung tâm sát hạch không có nguồn để tái đầu tư và duy trì tình trạng kỹ thuật theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam kính đề nghị Bộ GTVT chỉ đạo cơ quan chức năng nghiên cứu, tính toán đề điều chỉnh mức thu phí sát hạch lái xe và kiến nghị với Bộ Tài chính xem xét nâng mức thu phí sát hạch lái xe phù hợp với thực tế, đảm bảo cho các trung tâm sát hạch lái xe hoạt động, phát triển.

Rất mong nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ của Quý Bộ.
Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPHH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Quyền